



TỔNG HỢP GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG TUẦN

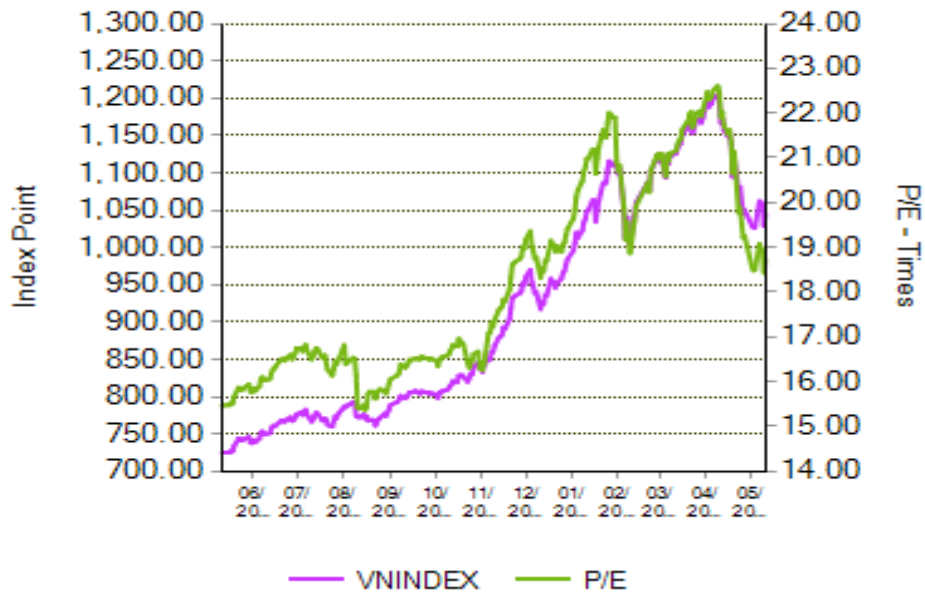
TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG:

Tuần: 07/05/2018-11/05/2018

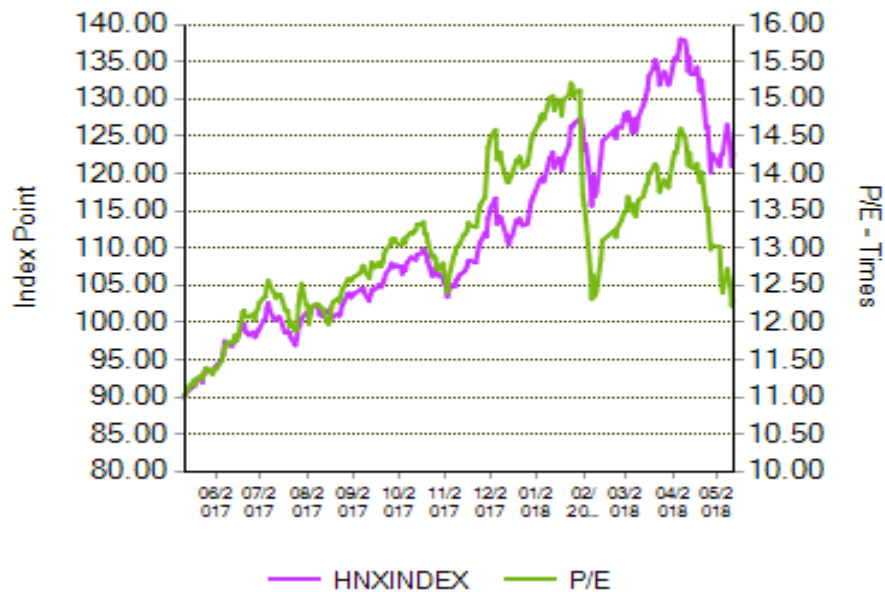
Cập nhật thị trường	HOSE	HNX
Chỉ số	1.044,85	122,77
% thay đổi	-1,64%	-2,99%
Tổng KLGD (triệu CP)	826,29	245,61
Tổng GTGD (Tỷ VND)	26.080,38	3.567,67
KL Dư mua (triệu CP)	518,53	124,11
KL Dư bán (triệu CP)	512,94	159,22
Giao dịch nước ngoài	HOSE	HNX
KL NĐTNN mua (triệu CP)	138,62	11,19
KL NĐTNN bán (triệu CP)	127,53	22,13
GT NĐTNN mua (tỷ đồng)	6.914,09	202,43
GT NĐTNN bán (tỷ đồng)	6.681,65	413,02
KL NĐTNN mua/bán ròng (triệu CP)	11,08	-10,94
GT NĐTNN mua/bán ròng (tỷ đồng)	232,45	-210,59
Chỉ số tài chính	HOSE	HNX
P/B	5,07	1,96
P/E	18,72	12,29
Beta	1	0,89
ROE	20,34%	17,17%
ROA	9,43%	6,78%



VNIndex - P/E Historical



HNXIndex - P/E Historical



Các chỉ số thị trường hồi phục trở lại trong tuần qua. Trong khi VN-Index kết thúc tuần tăng 1.76% đạt 1,044.85 điểm; HNX-Index đóng cửa tuần tăng 0.16% dừng tại 122.77 điểm.

Thanh khoản trên cả hai sàn tiếp tục sụt giảm. Khối lượng khớp lệnh trung bình phiên trên sàn HOSE chỉ đạt hơn 129 triệu đơn vị/phiên, giảm 13.65% so với tuần giao dịch trước. Sàn HNX đạt trung bình hơn 43.2 triệu cổ phiếu/phiên, giảm 7.72%.



Xu hướng hồi phục tiếp tục được duy trì trên thị trường khi các chỉ số thị trường đồng loạt tăng trưởng mạnh trong phiên giao dịch đầu tuần. Sự khởi sắc của nhóm cổ phiếu Large Cap với đầu tàu VCB, GAS, SAB, VNM, BID, CTG, MSN, VPB, BVH... đã giúp VN-Index tái chiếm thành công ngưỡng 1,060 điểm.

Dù xu hướng hồi phục được duy trì nhưng tín hiệu dòng tiền lại không có sự đồng thuận hợp lý. Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức thấp và khối ngoại liên tục bán ròng mạnh ở nhóm cổ phiếu Large Cap. Những yếu tố này đã khiến trạng thái rung lắc chiếm ưu thế trở lại trong các phiên giao dịch tiếp theo.

Nhóm cổ phiếu Bluechip VN30 phân hóa trở lại trong các phiên giữa tuần. Dù thị trường nhận được sự hỗ trợ mạnh từ nhóm cổ phiếu Dầu khí với tâm điểm là GAS nhưng hiệu ứng tạo được là không mấy khả quan. Sự heo hút của dòng tiền lớn ở nhóm Large Cap là nguyên nhân chính hình thành các nhịp giằng co trong biên độ hẹp của các chỉ số. Điều này đã khiến VN-Index và VN30-Index gặp nhiều khó khăn trong nỗ lực duy trì xu hướng tăng trưởng. Các nhịp hồi phục nhanh chóng chịu sức ép mạnh mẽ từ bên bán.

Với sự thận trọng cao độ của bên mua, áp lực điều chỉnh đã gia tăng ô ạt trở lại trên thị trường trong phiên giao dịch ngày 10/05. Sức ép bán tháo gia tăng rất nhanh trong phiên chiều và kéo VN-Index giảm hơn 28 điểm. Trong chiều lao dốc của các chỉ số thị trường, thanh khoản đã có sự cải thiện nhờ hoạt động bắt đáy tăng cao nhưng mức tăng trưởng của thanh khoản vẫn không quá ấn tượng.

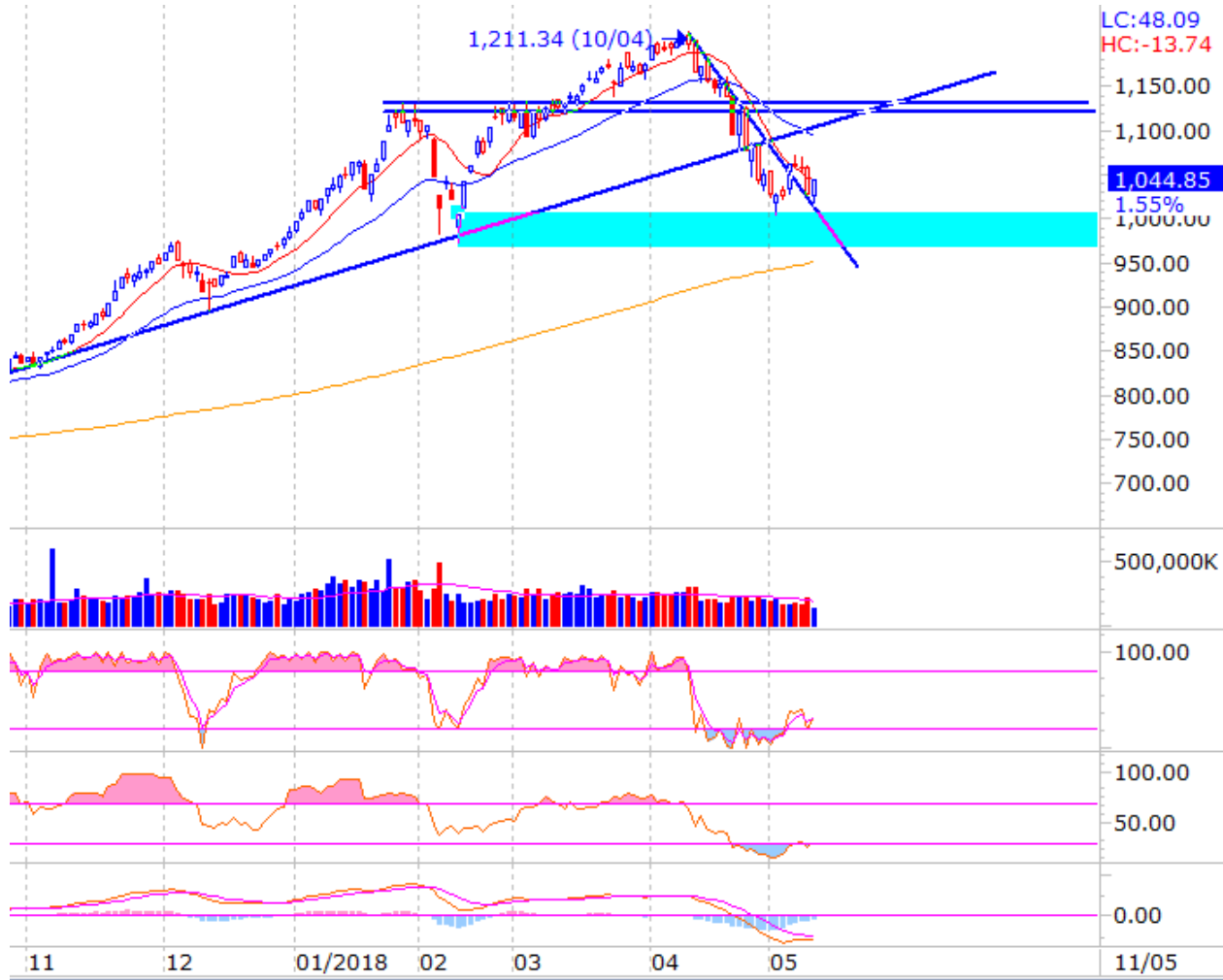
Phiên cuối tuần, một nhịp bán tháo tiếp tục diễn ra trong phiên sáng và kéo VN30-Index lùi sâu xuống ngưỡng 1,000 điểm. Tuy nhiên, lực cầu bắt đáy tại ngưỡng hỗ trợ mạnh này một lần nữa “cứu” thị trường khi được kích hoạt rất tốt và giúp sắc xanh lan tỏa trở lại. Tâm điểm bắt đáy vẫn hướng đến nhóm cổ phiếu Large Cap với GAS, VIC cùng nhóm ngân hàng với VCB, BID, VPB, MBB, HDB... Phiên hồi phục cuối tuần cũng giúp VN-Index và HNX-Index tránh khỏi một tuần giảm điểm tiếp nối.

Dù hồi phục về cuối tuần nhưng dòng tiền vào thị trường vẫn không có sự khởi sắc khi thanh khoản tiếp tục sụt giảm. Bên cạnh đó, khối ngoại vẫn duy trì xu hướng bán ròng ổn định ở nhóm Bluechip VN30.

Nhà đầu tư nước ngoài: Bán ròng hơn 1,213 tỷ đồng trên cả hai sàn (đã loại bỏ giao dịch thỏa thuận đột biến). Trong đó, khối ngoại mua ròng trên HOSE với hơn 145.2 tỷ đồng và bán ròng trên HNX với hơn 210 tỷ đồng. Nếu loại bỏ giao dịch mua ròng đột biến từ VIS thì khối ngoại lại bán ròng hơn 1,003 tỷ đồng trên HOSE.



Biểu đồ: Diễn biến Chỉ số VN-Index:



Về mặt kỹ thuật, Chỉ số Vnindex đã có tuần hồi phục nhẹ thoát gọi kênh giảm giá mạnh trong ngắn hạn, tuy nhiên sự hồi phục khá dè dặt do dòng tiền chưa được đồng thuận giữa các nhóm cổ phiếu và nhóm ngành. Thị trường có thể điều chỉnh kiểm tra lại mốc quanh 1.000 điểm trước và hình thành mô hình W trước khi hồi phục mạnh.

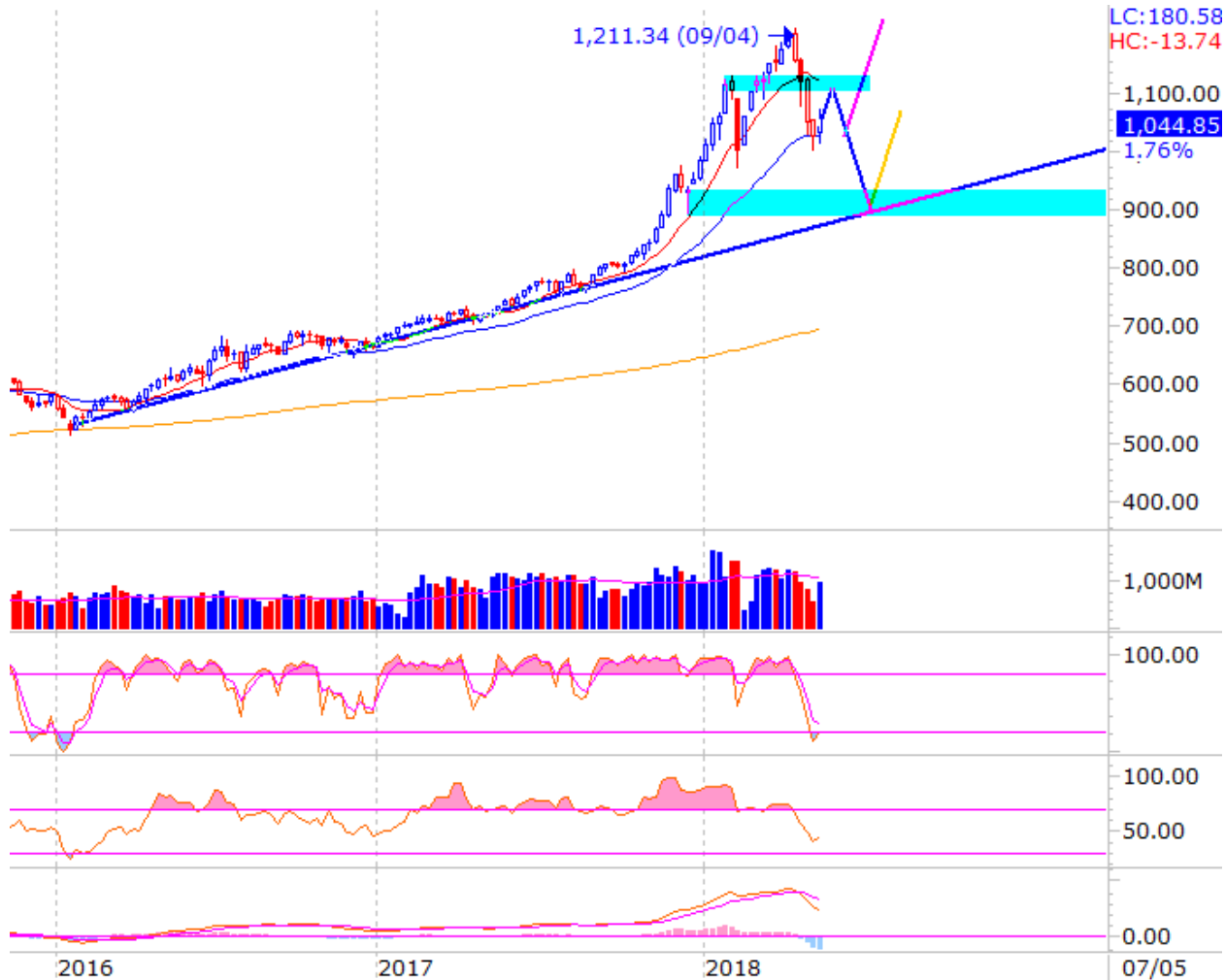
Các chỉ báo Stochastic, RSI, MACD có xu hướng hồi phục sau quá trình giảm mạnh và có xu hướng đi lên có thể thấy thị trường có thể tiếp tục có những phiên hồi phục nhẹ trong các phiên sắp tới.

Nhìn xa hơn, thị trường đang trong sóng điều chỉnh IV theo lý thuyết sóng Elliot, sẽ hình thành 3 sóng điều chỉnh ABC, và điểm C nếu trong sóng điều chỉnh cuối có thể về vùng quanh 920-950 điểm, cũng là nơi có sự hỗ trợ của kênh tăng giá dài hạn.

Biểu đồ tuần cho thấy 1 cây nến DOJI cho thấy sự lưỡng lự tìm điểm cân bằng của thị trường và cũng là dấu hiệu của sự đảo chiều tăng sau 1 quá trình điều chỉnh 4 tuần. Tuần giao dịch tiếp theo được đánh giá là quan trọng trong việc xác nhận xu hướng đảo chiều này, sự cần thiết là Vnindex phải là 1 cây nến xanh và đóng cửa trên 1.074 điểm.



Biểu đồ tuần Vnindex:



HOSE: 10 cổ phiếu tăng/giảm nhiều nhất tuần

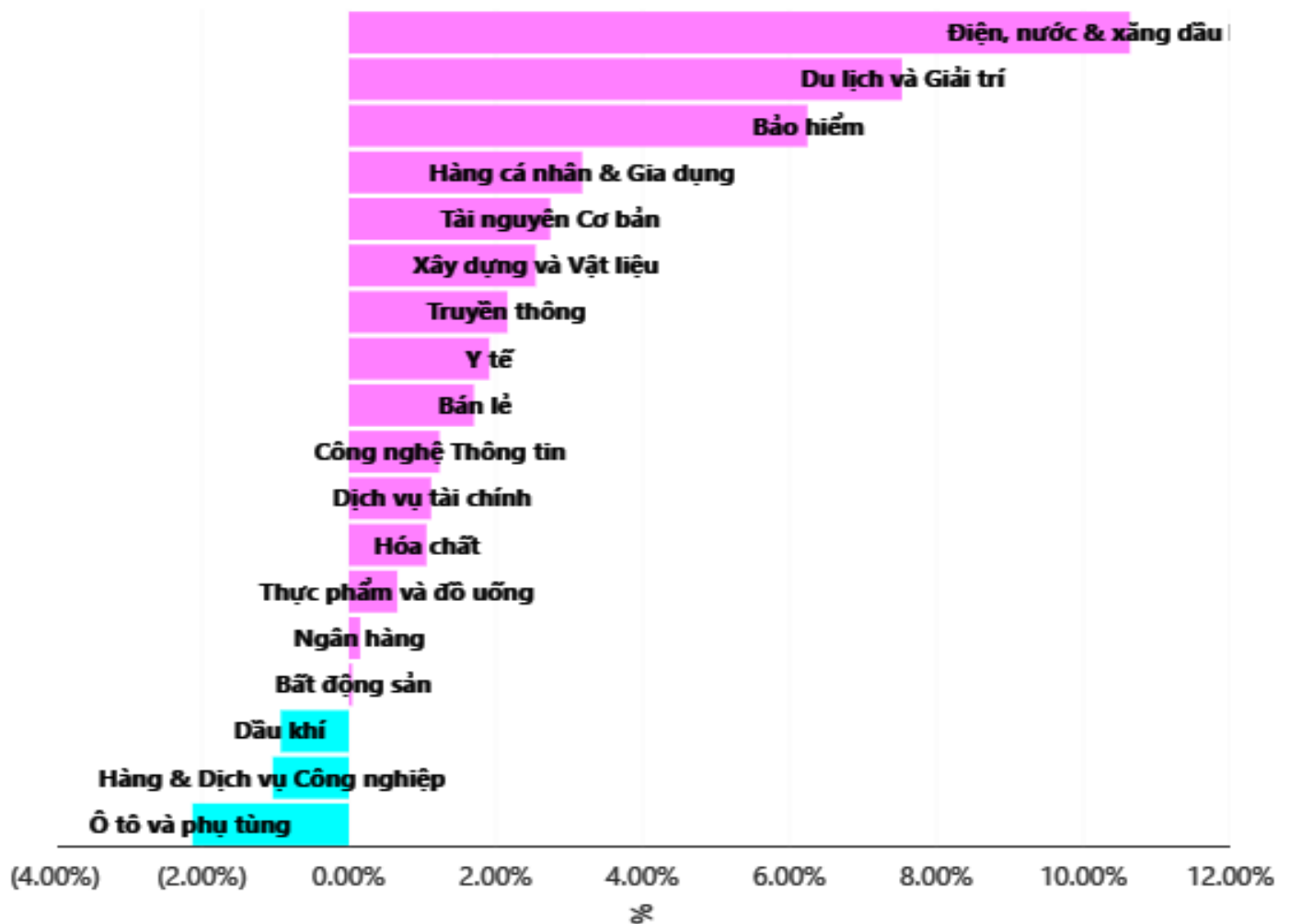
TT	MCK	P (11/05)	KLGD TB	+/- %	MCK	P (11/05)	KLGD TB	+/- %
1	HOT	42,200	1,102	39.48%	TIE	8,600	2,974	-14.43%
2	VNL	21,500	14	25.36%	AST	70,000	105,476	-14.00%
3	VHG	1,400	1,375,728	18.64%	SII	19,250	92	-13.29%
4	STK	16,500	12,284	17.44%	LHG	21,800	316,246	-12.27%
5	KSA	560	818,518	16.67%	HDC	15,350	489,446	-11.01%
6	BRC	10,500	414	16.67%	EMC	12,700	152	-9.29%
7	CDO	1,260	30,080	14.55%	ASM	13,800	4,667,576	-8.91%
8	QCG	10,600	1,544,630	13.98%	HTT	2,660	64,824	-7.96%
9	GAS	111,100	747,204	13.37%	RAL	116,500	2,864	-7.54%
10	PIT	6,450	1,588	13.16%	TCO	9,750	18	-7.14%



HNX: 10 cổ phiếu tăng/giảm nhiều nhất tuần

TT	MCK	P (11/05)	KLGD TB	+/- %	MCK	P (11/05)	KLGD TB	+/- %
1	PDC	6,200	1,380	55.00%	INC	7,000	580	-34.58%
2	CVN	10,300	171,774	39.19%	L61	9,700	140	-33.10%
3	PCN	3,300	1,900	37.50%	KHL	300	4,260	-25.00%
4	ARM	44,700	60	32.64%	SCI	6,000	244	-22.08%
5	SPI	2,400	298,850	26.32%	L44	1,100	10,060	-21.43%
6	V12	13,500	2,860	26.17%	DS3	17,400	624,120	-19.44%
7	DST	5,100	3,589,348	24.39%	DHP	11,800	1,860	-18.62%
8	NDN	19,000	656,042	21.79%	VGP	18,400	337	-16.74%
9	IVS	12,000	33,738	21.21%	MHL	5,400	920	-12.90%
10	VNT	29,900	1,740	19.60%	PXA	700	106,662	-12.50%

Diễn biến phân hóa các nhóm ngành trong tuần:





Chiến lược đầu tư:

Thị trường được dự báo sẽ có sự hồi phục trong các phiên tới, nếu thị trường quay xuống kiểm tra lại mốc 1000 điểm, nhà đầu tư được khuyến nghị gia tăng tỷ trọng, ưu tiên các cổ phiếu có sẵn để quay vòng giảm giá vốn. Thị trường có thể hồi phục đến ngưỡng kháng cự 1.100-1.300 điểm.

Cập nhật kết quả kinh doanh Q1/2018 các cổ phiếu trong danh mục VN30 và HNX30:

Dvt: tỷ đồng

STT	Mã CK	Sàn	Q1/2018	Lợi nhuận ròng		Lũy kế 2018	EPS Q1/2018	BVPS Lũy kế 4 quý	P/E Hiện tại
				+/- Kỳ trước (%)	+/- Cùng kỳ (%)				
1	ACB	HNX	1.144,49	93,6	139,3	1.144,5	1.161	2.824	15,4
2	BCC	HNX	(4,73)	(108,4)	(141,1)	(4,7)	(43)	(178)	(37,1)
3	BID	HOSE	1.978,18	(26,2)	8,5	1.978,2	579	2.061	15,8
4	BMP	HOSE	86,58	(29,8)	(13,5)	86,6	1.236	6.533	8,0
5	BVH	HOSE	430,12	41,9	13,0	430,1	632	2.365	36,8
6	BVS	HNX	28,86	(20,5)	12,1	28,9	400	1.731	10,9
7	CEO	HNX	49,53	(36,0)	37,7	49,5	360	1.414	10,1
8	CII	HOSE	2,24	(78,9)	(99,8)	2,2	9	1.206	26,0
9	CTD	HOSE	290,26	(37,2)	(3,5)	290,3	3.765	21.301	6,3
10	CTG	HOSE	2.428,58	53,9	19,5	2.428,6	652	2.103	13,6
11	DBC	HNX	10,20	(84,1)	(24,4)	10,2	123	2.376	8,2
12	DCS	HNX	1,01	390,2	(66,4)	1,0	17	(24)	(54,2)
13	DGC	HNX	10,73	(89,0)	(69,4)	10,7	215	4.687	7,0
14	DHG	HOSE	171,48	18,0	(0,9)	171,5	1.426	5.327	18,5
15	DPM	HOSE	180,20	75,3	(19,2)	180,2	460	1.665	11,0
16	FPT	HOSE	509,01	(64,1)	23,3	509,0	993	5.895	10,0
17	GAS	HOSE	2.608,04	(28,9)	19,9	2.608,0	1.363	5.220	18,8
18	GMD	HOSE	1.267,48	559,2	1.222,6	1.267,5	5.640	7.471	3,6
19	HHG	HNX	5,66	(6,6)	(62,5)	5,7	196	995	4,6
20	HPG	HOSE	2.211,25	(7,7)	14,3	2.211,3	1.601	5.997	9,0
21	HSG	HOSE	333,41	63,9	(24,2)	333,4	1.161	4.260	3,4
22	HUT	HNX	10,07	(87,0)	(92,3)	10,1	45	825	8,8
23	IDV	HNX	8,38	(26,2)	(75,4)	8,4	648	3.918	8,2
24	KDC	HOSE	(11,74)	(65,8)	(162,0)	(11,7)	(53)	1.498	24,0
25	LAS	HNX	31,71	(27,6)	(28,2)	31,7	281	1.311	9,8
26	LHC	HNX	7,54	63,6	56,4	7,5	2.094	9.149	5,8
27	MAS	HNX	3,71	385,9	(80,4)	3,7	871	5.773	10,0
28	MBB	HOSE	1.548,88	419,4	74,1	1.548,9	882	2.364	13,0
29	MSN	HOSE	816,07	(56,8)	244,3	816,1	736	3.320	27,6
30	MWG	HOSE	807,36	41,2	44,7	807,4	2.922	8.885	11,4
31	NDN	HNX	27,80	(22,0)	135,8	27,8	701	2.603	6,0
32	NT2	HOSE	235,07	(26,5)	(11,7)	235,1	817	2.706	11,3
33	NTP	HNX	40,33	(68,9)	(56,9)	40,3	468	5.101	11,1



34	NVL	HOSE	125,87	(82,3)	(68,8)	125,9	207	2.884	18,0
35	PGS	HNX	19,46	(21,5)	(21,3)	19,5	389	2.087	14,9
36	PLC	HNX	41,05	5,5	(15,0)	41,1	508	2.031	10,0
37	PLX	HOSE	898,41	(2,4)	(9,1)	898,4	728	2.738	23,9
38	PVC	HNX	(12,81)	146,6	-	(12,8)	(256)	(72)	(83,3)
39	PVI	HNX	162,00	50,4	59,9	162,0	728	2.524	13,1
40	PVS	HNX	253,36	103,2	(1,0)	253,4	567	1.805	9,5
41	REE	HOSE	381,41	12,8	15,3	381,4	1.230	4.605	7,7
42	ROS	HOSE	25,97	(95,9)	(71,4)	26,0	57	1.706	43,0
43	S55	HNX	16,46	(2,8)	97,4	16,5	2.868	10.002	2,0
44	S99	HNX	7,30	(516,2)	2.030,1	7,3	188	(126)	(41,3)
45	SAB	HOSE	1.113,53	(14,4)	(1,2)	1.113,5	1.736	7.297	30,0
46	SHB	HNX	402,29	(15,8)	64,2	402,3	355	1.506	7,2
47	SHS	HNX	135,77	4,0	200,6	135,8	1.358	4.715	3,9
48	SSI	HOSE	416,00	20,3	41,2	416,0	845	2.607	13,1
49	STB	HOSE	396,73	(1,2)	88,4	396,7	220	730	18,4
50	TV2	HNX	58,72	(43,3)	602,5	58,7	10.247	46.215	2,4
51	VC3	HNX	12,93	757,1	(35,6)	12,9	462	1.303	14,4
52	VCB	HOSE	3.503,95	28,8	58,8	3.504,0	974	2.887	20,4
53	VCG	HNX	48,18	(94,6)	(57,9)	48,2	109	3.049	5,7
54	VCS	HNX	218,55	(21,1)	23,9	218,6	2.993	15.908	7,5
55	VIC	HOSE	940,54	(56,0)	2,8	940,5	357	1.748	71,2
56	VJC	HOSE	1.365,79	(22,2)	262,8	1.365,8	3.616	14.564	12,2
57	VNM	HOSE	2.701,31	54,8	(8,0)	2.701,3	1.861	6.933	26,5
58	VNR	HNX	71,31	48,2	17,5	71,3	544	2.083	10,9
59	VTV	HNX	8,40	(420,4)	(81,3)	8,4	269	2.421	5,6



Chúng tôi xin gửi kèm danh mục các cổ phiếu đầu tư trung dài hạn và danh mục giao dịch ngắn hạn.

Mã CK	Ngành L2	Giá đóng cửa gần nhất Đơn vị: VND	KLGD Trung Bình 1 tuần Đơn vị: Cổ phiếu	EPS (TT M) Năm: 2017 Quý: 4 Đơn vị: VND	P/E (TTM) Năm: 2017 Quý: 4 Đơn vị: Lần	Vốn hóa thị trường (TTM) Năm: 2017 Quý: 4 Đơn vị: Tỷ VND	Tốc độ tăng trưởng EPS (YoY) (Y) Năm: 2017 Đơn vị: %	Giá trị số sách/CP (TTM) Năm: 2017 Quý: 4 Đơn vị: VND	Tốc độ tăng trưởng doanh thu (Y) Năm: 2017 Đơn vị: %	Khuyến Nghị
MWG	Bán lẻ	113.400	306.648	7.138	16,39	37.783,44	-32,09%	18.632	48,70%	Mua
VIC	Bất động sản	99.700	2.894.628	1.610	64,84	275.376,71	74,10%	11.835	56,83%	Năm giữ
DIG	Bất động sản	27.500	3.117.066	362	77,63	6.693,27	62,21%	11.328	27,56%	Mua
NLG	Bất động sản	35.500	237.856	3.376	10,49	6.678,98	49,99%	18.573	24,77%	Theo dõi
KDH	Bất động sản	35.850	403.940	1.996	17,83	13.806,83	-0,01%	15.531	16,47%	Theo dõi
PLX	Dầu khí	83.000	931.340	3.011	28,66	100.005,58	-25,36%	15.786	26,45%	Mua
PVD	Dầu khí	20.800	1.693.800	68	314,17	8.212,14	-79,77%	34.413	27,20%	Theo dõi
PVS	Dầu khí	24.300	4.655.831	1.793	14,17	11.346,19	-16,98%	24.008	10,46%	Theo dõi
VDS	Dịch vụ tài chính	14.200	346.868	1.533	9,23	1.287,65	73,73%	11.453	54,54%	Theo dõi
VND	Dịch vụ tài chính	29.150	1.721.624	2.661	11,09	6.384,69	148,08%	16.182	68,85%	Theo dõi
MBS	Dịch vụ tài chính	18.200	1.322.929	196	96,32	2.308,11	43,89%	10.519	63,75%	Theo dõi
VJC	Du lịch và Giải trí	204.000	859.586	10.108	20,53	93.653,73	20,32%	22.237	54,04%	Theo dõi
HVN	Du lịch và Giải trí	52.200	1.331.381	1.938	26,38	62.760,12	48,15%	13.688	18,44%	Mua
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	180.000	278.024	7.051	25,87	19.717,68	62,68%	27.292	28,17%	Năm giữ
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.100	669.356	3.713	6,90	1.319,77	77,70%	20.595	4,51%	Năm giữ
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	15.400	452.607	2.801	5,36	616,76	24,20%	15.308	31,83%	Mua
AAA	Hóa chất	26.700	1.152.406	3.713	7,12	2.211,22	-0,97%	16.470	89,83%	Mua
DCM	Hóa chất	13.200	646.818	1.207	10,69	6.829,26	17,23%	11.577	17,04%	Mua
BFC	Hóa chất	36.000	209.382	4.859	7,41	2.058,05	7,41%	17.063	6,12%	Năm



										giữ
DPM	Hóa chất	23.200	810.046	1.775	12,85	8.922,42	-28,82%	20.113	0,90%	Nắm giữ
LAS	Hóa chất	14.000	87.982	1.346	10,40	1.579,99	16,95%	11.658	-2,00%	Theo dõi
CSM	Ô tô và phụ tùng	14.950	137.874	530	28,19	1.549,20	-77,35%	11.924	7,02%	Mua
DRC	Ô tô và phụ tùng	28.750	527.472	1.361	20,43	3.302,43	-55,53%	12.611	9,16%	Mua
KSB	Tài nguyên Cơ bản	41.500	415.248	5.925	6,97	1.932,84	-19,46%	16.366	28,74%	Theo dõi
HSG	Tài nguyên Cơ bản	23.450	2.827.418	3.510	6,67	8.189,00	-61,15%	15.610	43,21%	Mua
HPG	Tài nguyên Cơ bản	60.200	4.470.050	5.829	10,83	95.714,67	-32,62%	21.282	38,69%	Nắm giữ
NKG	Tài nguyên Cơ bản	31.400	335.954	6.685	4,61	4.010,50	-26,94%	22.619	41,21%	Theo dõi
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.200	224.856	6.429	8,63	5.122,75	4,71%	31.620	11,62%	Nắm giữ
VNM	Thực phẩm và đồ uống	214.000	1.261.152	7.094	29,89	307.667,89	10,11%	16.105	9,08%	Nắm giữ